

ẢNH HƯỞNG CỦA CHUẨN MỤC IFRS 16 - THUÊ TÀI SẢN ĐẾN CÁC DOANH NGHIỆP HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN - CAO VĂN KHANH

TÓM TẮT:

Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đang trở thành xu thế tất yếu đối với các doanh nghiệp muốn tăng cường tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin BCTC. Trên cơ sở dữ liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán và báo cáo thường niên trong giai đoạn năm 2019-2022 của một số doanh nghiệp hàng không (DNHK) niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bài nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS 16 - Thuê tài sản đến BCTC của các DNHK này. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng IFRS 16 có tác động đáng kể đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và làm thay đổi một số chỉ tiêu tài chính phản ánh khả năng thanh toán và khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Bài nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị với các DNHK Việt Nam nhằm thúc đẩy việc áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp này.

Từ khóa: IFRS 16, thuê tài sản, báo cáo tài chính, doanh nghiệp niêm yết, ngành hàng không.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính, các hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ vốn đòi hỏi tính minh bạch và độ tin cậy của các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính (BCTC) của doanh nghiệp. Thực tế cho thấy vẫn còn tồn tại các khác biệt đáng kể trong việc ghi nhận và trình bày báo cáo tài chính khi áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) cho các lĩnh vực kinh doanh nói chung và lĩnh vực hàng không dân dụng nói riêng. Theo đánh giá của Hội đồng Chuẩn mực BCTC Quốc tế (IASB), chuẩn mực IFRS 16 - Thuê tài sản có thể tác động rất lớn

đến các DNHK do hầu hết các hãng hàng không Việt Nam đều sử dụng tài sản thuê hoạt động với trị giá tài sản thuê rất lớn. IFRS 16 đã thay đổi hoàn toàn bản chất giao dịch với các bên đi thuê khi “xóa sổ” thuê hoạt động (ngoại trừ một số ngoại lệ), thay vào đó yêu cầu phản ánh lên BCTC như một tài sản dài hạn thông thường.

Chủ đề nghiên cứu về việc áp dụng IFRS tại doanh nghiệp luôn thu hút được nhiều sự quan tâm của các bên liên quan. Tuy nhiên, hiện có rất ít các nghiên cứu chuyên sâu về tác động của IFRS đến BCTC của các DNHK do tính đặc thù của các doanh nghiệp này. You (2017) đã phân tích ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS 16 đến các chỉ số tài

chính của doanh nghiệp tại Úc. Trên cơ sở mô hình định lượng, Hiltunen (2021) đã phân tích giá trị các hãng hàng không dựa vào khoản mục tài sản cố định vô hình, đồng thời đánh giá việc suy giảm giá trị và lợi thế thương mại trên BCTC của các DNHK hiện đang áp dụng IFRS. Tại Việt Nam, Đinh Minh Tuấn (2013) đã nghiên cứu việc chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS của Tập đoàn Tân Tạo. Trong đó, tác giả đã làm rõ các điểm khác biệt giữa việc áp dụng VAS và IFRS tại doanh nghiệp. Các đánh giá chuyên sâu về bản chất giao dịch, phân tích cụ thể tác động của từng chuẩn mực IFRS (đặc biệt là IFRS 16) đến các khoản mục trên BCTC của DNHK vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ tại Việt Nam, tạo ra khoảng trống nghiên cứu cho việc thực hiện đề tài này.

2. Phân tích tác động của IFRS 16 đến Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp hàng không Việt Nam

Để tính toán ảnh hưởng của chuẩn mực IFRS 16 đến BCTC của các DNHK, trước hết cần phải đo lường và vốn hóa giá trị các tài sản thuê, các khoản nợ thuê tài chính chưa được ghi nhận trên BCTC. Sau đó, giá trị tài sản thuê hoạt động đủ điều kiện vốn hóa được ghi nhận bổ sung vào giá trị của tài sản và nợ thuê tài chính. Theo IFRS 16, tại thời điểm bắt đầu thời hạn thuê, DNHK phải xác định giá trị khoản nợ phải trả về thuê tài sản bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê chưa được thanh toán tại thời điểm đó.

Theo Bảng 1, việc ghi nhận bình quân 85% các tài sản thuê hoạt động là tàu bay chịu ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS 16, đặc biệt VNA và VJA là các doanh nghiệp có số lượng tàu bay lớn với hợp đồng thuê hoạt động với lần lượt tương ứng là 72% và 96%. Nói cách khác, có đến 85% số tàu bay đang đi thuê hoạt động chưa được phản ánh trên BCTC của các DNHK Việt Nam.

Bước tiếp theo là xem xét việc chuyển dịch chi phí lãi vay được tính toán theo lãi suất ngầm định từ chi phí vận hành vào chi phí tài chính. Việc tính toán chi phí khấu hao dựa trên giả định thời gian sử dụng hữu ích của máy bay là 20 năm. Việc giả định thời gian sử dụng hữu ích của tàu bay cũng tương tự như việc giả định lãi suất ngầm định. Phần lớn DNHK Việt Nam không công bố chính xác mà chỉ công bố khoảng thời gian sử dụng cho mỗi danh mục tài sản. Việc áp dụng IFRS 16 sẽ ảnh hưởng phần lớn đến các chỉ tiêu tổng tài sản, nợ dài hạn, vốn chủ sở hữu, chi phí khấu hao, chi phí lãi vay, EBIT, EBITDA và các chỉ số tài chính khác. (Bảng 2)

2.1. Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán

Việc áp dụng IFRS 16 được đánh giá sẽ làm tăng khoản mục tài sản cố định thuê tài chính và khoản nợ phải trả về thuê tài chính trên Bảng cân đối kế toán (BCĐKT).

Theo Bảng 3, bình quân ảnh hưởng 88% trên tổng tài sản cho thấy mức ảnh hưởng đáng kể của việc áp dụng IFRS 16 đến BCĐKT, phù hợp với

Bảng 1. Tổng hợp tỷ lệ thuê tài sản của các DNHK Việt Nam tại thời điểm ngày 31/12/2022

Hãng hàng không	VNA	VJA	Bamboo	Jetstar Pacific	Vietravel Airlines	Tổng cộng
Tổng số tàu bay, trong đó:	94	75	21	4	4	198
Hình thành từ mua sắm	2	3	-	-	-	5
Hình thành từ hợp đồng thuê tài chính	24	-	-	-	-	24
Hình thành từ hợp đồng thuê hoạt động	68	72	21	4	4	169
Tỷ lệ hợp đồng thuê hoạt động	72%	96%	100%	100%	100%	85%
Tỷ lệ hợp đồng thuê tài chính	26%	0%	0%	0%	0%	12%

Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên BCTC và Báo cáo thường niên

Bảng 2. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn của VNA và VJA

ĐVT: tỷ đồng

Hãng hàng không/Năm	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019
Vietnam Airlines				
Trong vòng 1 năm	9.998	10.455	13.629	13.298
Từ năm 2 đến 5 năm	38.733	45.003	62.370	50.792
Sau 5 năm	40.309	43.415	44.532	52.477
Cộng VNA	89.040	98.873	120.531	116.566
VietJet Air				
Trong vòng 1 năm	11.507	8.617	7.296	7.177
Từ năm 2 đến 5 năm	38.582	37.298	28.258	26.635
Sau 5 năm	19.870	24.812	24.551	28.804
Cộng VJA	69.958	70.727	60.105	62.616
Tổng cộng	158.999	169.600	180.636	179.183

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ BCTC của các DNHK

đặc thù ngành hàng không được coi là một trong những ngành sử dụng các hợp đồng thuê hoạt động phổ biến. Với sự cải tiến mạnh mẽ trong công nghệ, các DNHK cần phải xem xét lại kỹ lưỡng các hoạt động thuê tàu bay khi phần lớn các giao dịch này đang được phản ánh dưới hình thức thuê hoạt động theo VAS 06 và dự kiến sẽ có thay đổi lớn khi áp dụng IFRS 16 tại các doanh nghiệp này.

2.2. Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khác với VAS 06, IFRS 16 đòi hỏi doanh nghiệp ghi nhận lãi vay theo khoản nợ thuê tài chính như một cấu phần của chi phí tài chính và chi phí khấu hao tương tự như các TSCĐ khác của doanh nghiệp. Với giả định năm 2023 là năm đầu

tiên áp dụng IFRS 16 thì chi phí lãi vay và chi phí khấu hao của VietJet Air được xác định như trình bày tại Bảng 4.

Trong các năm tiếp theo, chi phí khấu hao sẽ không thay đổi do giả định áp dụng khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Tuy nhiên, chi phí lãi vay sẽ giảm dần theo mức dư nợ của khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Mặt khác, các DNHK đang nắm giữ danh mục nhiều tài sản cố định thuê tài chính với nhiều thời hạn thuê khác nhau và quy mô ảnh hưởng của áp dụng IFRS 16 lên BCKQHĐKD sẽ phụ thuộc vào các điều khoản của hợp đồng thuê.

Một trong những ảnh hưởng khác lên BCKQHĐKD của DNHK khi áp dụng IFRS là có

Bảng 3. Tổng tài sản của DNHK và ảnh hưởng của việc ghi nhận ban đầu

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	VNA	VJA	Tổng cộng
Tổng tài sản tại 31/12/2022	60.636	68.037	128.673
Ảnh hưởng ban đầu của IFRS 16 (Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê)	62.035	51.105	113.140
% ảnh hưởng trong mối quan hệ với tổng tài sản	102%	75%	88%

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC

Bảng 4. Ảnh hưởng của IFRS 16 đến BCĐKT và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của VietJet Air

ĐVT: tỷ đồng

Khoản mục theo IFRS 16	Đầu năm 2023	2023	2024	2025
BCĐKT				
Quyền sử dụng tài sản thuê (NG TSCĐ thuê tài chính)	51.105	42.588	34.070	25.553
Nợ phải trả về thuê tài sản	51.105	44.188	38.511	32.324
BCKQHĐKD				
Chi phí khấu hao	-	8.518	8.518	8.518
Chi phí lãi vay	-	4.589	3.968	3.458
Lợi nhuận ròng	-	(13.107)	(12.486)	(11.976)

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên BCTC

thể phải đo lường các khoản nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ, sử dụng các loại tỷ giá khác nhau, tại thời điểm kết thúc các kỳ kế toán năm. Khi đó cần áp dụng chuẩn mực IAS 21 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (tương ứng với VAS 10 của Việt Nam) cho việc đánh giá lại các khoản mục nợ phải trả về thuê tài chính.

3.3. Ảnh hưởng đến các chỉ số tài chính căn bản

Chỉ số tài chính là nguồn thông tin quan trọng cho các nhà đầu tư, chủ nợ và các bên liên quan trong việc phân tích và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trong đó, nhóm chỉ số phản ánh khả năng thanh toán và khả năng sinh lời được sử dụng phổ biến để đo lường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Việc áp dụng IFRS 16 có thể ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ số tài chính của DNHK như sau:

- IFRS 16 làm tăng các chỉ số gồm: Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu; Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT); Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA); EBIT/Lợi nhuận hoạt động.

- IFRS 16 làm giảm các chỉ số gồm: Hệ số thanh toán hiện hành và Hệ số vòng quay tổng tài sản.

- IFRS 16 làm tăng hoặc giảm các chỉ số tùy từng trường hợp gồm: Tỷ lệ thanh toán lãi vay, Chỉ số thu nhập trên cổ phần, Chỉ số lợi nhuận trên vốn sử dụng, Chỉ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

4. Đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng áp dụng IFRS 16 tại các DNHK Việt Nam

Trước hết, Ban lãnh đạo VNA và VJA cần nhận thức được lợi ích của việc áp dụng IFRS 16 nói riêng và các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế nói chung. Theo IASB, việc áp dụng IFRS 16 giúp cải thiện chất lượng BCTC, đảm bảo tính trung thực và minh bạch của thông tin BCTC cho nhà đầu tư và các bên liên quan. IASB cho rằng, việc ghi nhận tài sản và nợ phải trả đối với các hợp đồng thuê tài sản căn cứ vào bản chất giao dịch sẽ đảm bảo việc trình bày trung thực, hợp lý hơn về đòn bẩy tài chính cũng như vốn đầu tư, cải thiện đáng kể khả năng so sánh về thông tin BCTC giữa các DNHK.

DNHK cần xây dựng lộ trình đào tạo, tuyển dụng các chuyên gia kế toán có trình độ về chuyển đổi hệ thống kế toán sang IFRS. Trong thực tế, việc chuyển đổi theo IFRS chủ yếu được cung cấp bởi các công ty kiểm toán lớn, dẫn đến chi phí chuyển đổi cao, đồng thời ảnh hưởng đến tính độc lập của dịch vụ kiểm toán BCTC. Do đó, DNHK cần thiết lập bộ máy kế toán có trình độ chuyên môn sâu, được đào tạo bài bản về IFRS để có thể tham mưu cho Ban giám đốc xây dựng lộ trình áp dụng IFRS 16 nói riêng và các chuẩn mực BCTC quốc tế nói chung phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

Đối với ngành Hàng không, việc áp dụng IFRS tạo ra những thay đổi đáng kể đối với BCTC, trong đó, có thể có các tác động không mong muốn trong giai đoạn đầu áp dụng. Để giảm thiểu các tác động này, VNA và VJA cần xây dựng đề án, lộ trình chuyển đổi sang IFRS. Việc áp dụng IFRS đòi hỏi các DNHK phải tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực theo hướng dẫn tại chuẩn mực IFRS 01 - Lần đầu áp dụng IFRS.

Mặt khác, VNA và VJA cần nâng cao hệ số xếp hạng tín nhiệm trên thị trường chứng khoán, đáp ứng được các chỉ tiêu khắt khe của thị trường như đảm bảo tính thanh khoản cổ phiếu, thu hút NĐT nước ngoài, quản trị doanh nghiệp tốt, giao dịch cổ phiếu tốt, công bố thông tin đầy đủ. Kết quả Chương trình IR Award 2023 - Bình chọn doanh nghiệp niêm yết có hoạt động quan hệ NĐT tốt nhất cho thấy hai DNHK của Việt Nam dù có giá trị vốn hóa thị trường lớn nhưng chất lượng công bố thông tin lại không lọt vào Top 45. Chính vì thế, hai DNHK lớn của Việt Nam cần phải nâng cao mức độ tín nhiệm

trên thị trường chứng khoán để tạo được niềm tin cho các NĐT trong quá trình áp dụng IFRS.

5. Kết luận

Chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS) hiện nay đã được trên 140 quốc gia trên thế giới lựa chọn áp dụng triển khai cho mọi lĩnh vực trong nền kinh tế, bao gồm cả lĩnh vực hàng không dân dụng. Là thành viên của Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO) từ năm 2017, Việt Nam không thể đứng ngoài sân chơi của thị trường tài chính quốc tế, do đó, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC quốc tế tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các ảnh hưởng đáng kể của chuẩn mực IFRS 16 đến BCTC và các chỉ số tài chính của các DNHK tại Việt Nam. Để công tác chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS của các DNHK được thực hiện đúng lộ trình, cần thiết phải có vai trò điều tiết, kiểm soát của Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước trong việc định hướng áp dụng IFRS cho doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (2020). Báo cáo kết quả khảo sát mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của DN tại Việt Nam. Truy cập tại <https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/vn/Documents/audit/vn-aud-readiness-assessment-on-ifrs-vn.pdf>
2. Công ty Cổ phần Hàng không Viejet (2022). Báo cáo thường niên giai đoạn 2017 - 2022.
3. Đinh Minh Tuấn (2013). Lần đầu chuyển đổi báo cáo tài chính tập đoàn tân tạo từ chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
4. Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (2022). Báo cáo thường niên giai đoạn 2017 - 2022.
5. Hiltunen, R. T. (2021). The Value Relevance of Intangible Assets and Goodwill: Evidence from the airline industry. MSc thesis, University of VAASA, Finland.
6. IASB (2016). IFRS 16: Leases. [Online] Available at <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-16-leases/>
7. IFRS Foundation (2016). Effects Analysis International Financial Reporting Standard, IFRS 16 - Lease. [Online] Available at <https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/project/leases/ifrs/published-documents/ifrs16-effects-analysis.pdf>
8. PwC (2016). A study on the impact of lease capitalization. IFRS 16: The new lease standard. [Online] Available at <https://www.pwc.com/gx/en/audit-services/publications/assets/a-study-on-the-impact-of-lease-capitalisation.pdf>
9. You, J. (2017). The impact of IFRS 16 lease on financial statements of airline companies. MSc thesis, University of Auckland Technology.

Ngày nhận bài: 11/3/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/3/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/4/2024

Thông tin tác giả:

1. TS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG LIÊN

Viện Kinh doanh Quản trị, Trường Đại học VinUni

2. CAO VĂN KHANH

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

IMPACT OF IFRS 16 - LEASES ON VIETNAM AVIATION ENTERPRISES

● Ph.D **NGUYEN THI HUONG LIEN**¹

● **CAO VAN KHANH**²

¹College of Business and Management, VinUniversity

²Faculty of Accounting and Auditing,
University of Economics and Business, Vietnam National University

ABSTRACT:

The adoption of International Financial Reporting Standards (IFRS) has been an essential trend for businesses, with the expectation of increasing the transparency and reliability of financial statement information. Based on secondary data collected from audited financial statements and annual reports during the period 2019-2022 of several aviation enterprises listed on the Vietnamese stock market, this study analyzed the impact of applying IFRS 16 - Leases on the financial statements of these aviation companies. The study's results show that IFRS 16 can have a significant impact on the balance sheet and income statement and change some financial indicators reflecting the solvency and profitability of companies. Several recommendations have been proposed to Vietnamese aviation enterprises to enhance the application of IFRS in these companies.

Keywords: IFRS 16, leases, financial statements, listed firms, aviation industry.